

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày 27-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thụy Mai Trâm

Bà Phan Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc T (tên gọi khác: T Đ), sinh ngày 25-01-1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Hoàng Thị K; Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 68/2017/HSST ngày 12-07-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Nhân thân:

- Bản án số 70/2009/HSST ngày 20-07-2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”.

- Bản án số 69/2010/HSST ngày 22-09-2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”.

- Bản án số 24/2013/HSST ngày 01-03-2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản ”.

- Bản án số 49/2016/HSST ngày 11-05-2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”.

- Bản án số 68/2017/HSST ngày 12-07-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Biện pháp ngăn chặn: Bị bắt ngày 20 tháng 07 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bị hại:

1. Ngô Lộng N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Hoàng Nhật M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi thứ nhất: Nguyễn Phúc T và chị Ngô Lộng N quen biết ngoài xã hội. Vào khoảng 17 giờ ngày 26-04-2018, tại quán Game bắn cá thuộc khu phố V, thị trấn P, huyện T (nay là thị xã P), Nguyễn Phúc T hỏi mượn chị N 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio BKS 72T2 – 2209 để chở bạn gái là chị Nguyễn Thị Thanh T1 về nhà ở Vũng Tàu. Do tin tưởng T nên chị N đồng ý cho T mượn xe.

Sau khi có được xe của chị N, T chở T1 về Vũng Tàu, sau đó T ghé vào một tiệm bắn cá ở Vũng Tàu chơi game. Trong quá trình chơi, T bị thua hết tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của chị N bán lấy tiền để tiếp tục chơi game. T nhờ người bạn tên T2 (chưa xác định được nhân thân) mang cầm cố chiếc xe trên với giá 3.000.000đ, T sử dụng số tiền trên để chơi game và mua ma túy sử dụng hết.

Sau đó, T tiếp tục nhờ T2 mang bán chiếc xe nói trên cho một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân) với giá 5.000.000đ. T lấy 3.000.000 đ để trả tiền cầm đồ, số tiền còn lại T chơi game và mua ma túy sử dụng hết. Trước khi mang xe của chị N đi cầm cố thì T kiểm tra trong cốp xe phát hiện số tiền 200.000đ nên đã lấy ra sử dụng hết. Do không có xe để trả lại chị N nên T bỏ trốn và không liên lạc với chị N nữa.

Ngày 10-05-2018, không thấy T trả lại xe nên chị N đã đến Công an trình báo, tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Phúc T. Cơ quan công an đã ra thông báo truy tìm đối tượng đối với Nguyễn Phúc T. Ngày 19-07-2018, Nguyễn Phúc T bị bắt theo Thông báo truy tìm đối tượng của cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển số 72T- 2209 trị giá 5.850.000đ.

Hành vi thứ hai: Nguyễn Phúc T và anh Hoàng Nhật M quan hệ bạn bè. Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15-05-2018, T gọi điện thoại cho anh M hỏi mượn xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đen, biển số 72E1 – 534.38 để đi công việc và thăm bạn. Do tin tưởng T nên anh M cho T mượn xe và hẹn T sáng mai trả sớm.

T lấy xe đi công việc riêng rồi xuống Vũng Tàu gặp bạn chị Nguyễn Thị Thanh T1. Sau đó T đến tiệm bắn cá ở Vũng Tàu để chơi game. T chơi bị thua hết tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh M. Đến ngày 16-05-2018, T nhờ người bạn tên L (chưa xác định được nhân thân) bán chiếc xe trên cho một người không rõ lai lịch với giá 10.000.000đ. Số tiền trên T sử dụng chơi game bắn cá và mua ma túy sử dụng hết.

Khi anh M gọi điện thoại cho T đòi xe, T hứa mấy ngày sau sẽ trả nhưng bỏ trốn, không liên lạc với anh M nữa. Đến ngày 24-08-2018, anh M lên facebook thì phát hiện anh Nguyễn Văn T3 đang bán chiếc xe mô tô biển số 67F1 – 019.93 có đặc điểm giống với xe của mình nên đã trình báo Công an đến làm việc. Anh T3 trình bày chiếc xe trên anh mua lại của Lê Phước H với giá 37.600.000đ (khi mua biển số xe là 72E1 – 534.38). H nói T3 đổi biển số khác để dễ đi lại nên T3 đã tìm mua biển số 67F1 – 019.93 gắn lên xe, thay cho biển số xe cũ 72E1 – 534.38 để lưu thông. Sử dụng xe được một thời gian thì anh T3 đăng lên mạng rao bán xe và bị phát hiện như nêu trên.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định: 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Rander 150 trị giá 46.050.600đ.

Đối với Nguyễn Văn T3 không biết xe mô tô BKS 72E1 – 534.38 có nguồn gốc do phạm tội mà có; chị Nguyễn Thị Thanh T1 không biết việc T chiếm đoạt tài sản của chị N và anh M; nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm đối với Lê Phước H; các đối tượng T2, L hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân; khi nào bắt được, điều tra làm rõ sẽ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P2 ngày 23-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Nguyễn Phúc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với những người bị hại, mượn xe mô tô biển số 72T2 – 2209 trị giá 5.850.000đ của chị Ngô Lộng N và mượn xe mô tô biển số 72E1 – 534.38 trị giá 46.050.000đ của anh Hoàng Nhật M để sử dụng. Sau khi nhận được tài sản, bị cáo mới nảy sinh mục đích chiếm đoạt nên quyết định không trả lại xe mà mang đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài, sau đó bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại là 52.100.000đ.

Xét thấy bị cáo đã năm lần bị kết án về tội “ Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên các tiền án trước của bị cáo đều đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành định tội tại Bản án số 68/2017/HSSST ngày 12-07-2017 (Hướng dẫn tại Mục 7.3 Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao), nên không thuộc trường tái phạm nguy hiểm để định khung hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện chỉ đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hình sự mức án nghiêm nhưng không có ý thức ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành định lượng; có một tiền án chưa

được xóa án tích; là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Hoàng Nhật M xác định đã nhận lại xe mô tô biển số 72E1 – 534.38, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Bị hại Ngô Lộng N yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất 6.050.000 đồng.

- Người liên quan Nguyễn Văn T3 không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Tại phiên toà, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Ngô Lộng N số tiền 6.050.000 đồng.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 biển số xe 67F1 – 019.93 không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phúc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản”.

2. Áp dụng : Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Phúc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 07 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nguyễn Phúc T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Ngô Lộng N số tiền 6.050.000 đồng (sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 67F1 – 019.93.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 30 ngày 25-01-2019.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được

niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Thanh Hảo